

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 797/2023/HS-PT

Ngày 13/10/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Dũng;

Ông Trần Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 13 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 785/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Xuân T, sinh ngày 01/01/1988 tại huyện Ý, tỉnh Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Số nhà B NV14 Khu đô thị M, Khu F, thị trấn T, huyện H, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Số nhà E ngõ B TT G, xã L, huyện H, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Đ1; Giám đốc Công ty Cổ phần P2; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T1, sinh năm 1964 và bà Lê Thị H, sinh năm 1966; Có vợ là Mai Huyền T2, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; Gia đình có 02 anh chị em, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/4/2022 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

2. Nghiêm Xuân D, sinh ngày 02/8/1978 tại tỉnh Thái Nguyên; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; Nơi tạm trú và nơi ở hiện tại: Căn hộ 2511, tòa 27A03, Khu đô thị G, số B P, phường C, quận B, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Giám đốc Công ty TNHH K2 (F); Trình độ học

vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nghiêm Xuân N, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1945; Có vợ là Lương Thị Hồng N2, sinh năm 1980, đã ly hôn năm 2014 và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2010; gia đình có 06 anh chị em, bị cáo là con thứ 05. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2022 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo** Nguyễn Xuân T: Luật sư Châu Thành N3 và Luật sư Hoàng Văn N4 – Công ty L, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 06 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/10/2014, Ban có Quyết định số 260-QĐ/TW về việc ban hành “Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng giai đoạn 2015 - 2020”. Trên cơ sở đó, ngày 29/12/2014, Văn phòng T8 ban hành Công văn số 4488-CV/VPTW/nb về đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến tại các ban Đảng tại Trung ương và các Tỉnh ủy, Thành ủy; ngày 02/3/2015 ban hành Hướng dẫn số 47-HD/VPTW về triển khai xây dựng hệ thống hội nghị trực tuyến trong các cơ quan Đảng và ngày 08/5/2015 ban hành Công văn số 4833-CV/VPTW/nb về triển khai chương trình công nghệ thông tin tại các tỉnh ủy, thành ủy giai đoạn 2015 – 2020.

Căn cứ chỉ đạo của Trung ương, Văn phòng T9 có Tờ trình số 246-TTr/VPTU, ngày 03/3/2015 trình Thường trực Tỉnh ủy T9 cho chủ trương đầu tư xây dựng phòng họp trực tuyến của Tỉnh ủy và được Thường trực Tỉnh ủy đồng ý về chủ trương tại Thông báo số 1115-TB/VPTU ngày 16/3/2015 (BL số 17539).

1. Kết quả điều tra đối với gói thầu “Mua sắm, lắp đặt thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ” thuộc Dự án, trị giá 15.665.160.000 đồng.

Tháng 7/2015, Nguyễn Đồng n nhiệm vụ Chánh Văn phòng Tỉnh ủy T9. Sau thời gian rà soát, nắm bắt các công việc thấy tiến độ thực hiện Dự án chậm theo yêu cầu nên Nguyễn Đ đã trực tiếp chỉ đạo Dự án và giao riêng Đỗ Hữu T3 trực tiếp tham mưu triển khai toàn bộ các bước thực hiện Dự án. Để có cơ sở “xin” nguồn vốn, cuối năm 2015 Đỗ Hữu T3 đã chủ động liên hệ với Trần Mạnh C - Chủ tịch Công ty P2 (đồng sở hữu, góp vốn tại Công ty Đ1) để khảo sát sơ bộ về giá các thiết bị và Đỗ Hữu T3 dự kiến tổng mức đầu tư cao hơn khoảng 30% so với giá trị thực tế là 16.837.296.000đ; trên cơ sở tổng mức đầu tư dự kiến, Đỗ Hữu T3 tham mưu cho Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo đề xuất về chủ trương đầu tư, đề nghị phê duyệt đầu tư và đề nghị thẩm định nguồn vốn và Đỗ Hữu T3 tác động đề Sở tài chính tỉnh H cấp vốn cho Văn phòng Tỉnh ủy triển khai thực hiện dự án (BL số 17654).

Ngày 15/7/2015, Nguyễn Đồng k Tờ trình 275-TTr/VPTU đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh H phê duyệt chủ trương đầu tư phòng họp trực tuyến Tỉnh ủy, đồng thời Văn phòng Tỉnh ủy cũng ban hành các tờ trình, báo cáo gửi các Sở, N5 có liên quan đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định nguồn vốn cho Dự án xây dựng mới Hệ thống hội nghị trực tuyến của Tỉnh ủy T9 với tổng mức đầu tư 16.837.296.000 đồng (*trong đó có chi phí thiết bị là 15.670.050.000 đồng, còn lại là chi phí Quản lý, tư vấn, đấu thầu, dự phòng...*) từ nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung ngân sách tỉnh kế hoạch trung hạn 2016 - 2020, thời gian thực hiện từ năm 2016.

Trên cơ sở ý kiến thẩm định về chủ trương và nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư cho dự án của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và báo cáo đề xuất của Văn phòng T9, ngày 01/02/2016, UBND tỉnh H đã ban hành Quyết định số 227/QĐ-UBND phê duyệt chủ trương và nguồn vốn ngân sách địa phương đầu tư “*Dự án xây dựng hệ thống hội nghị trực tuyến của Tỉnh ủy T9*” (sau đây viết tắt là Dự án), tổng mức đầu tư dự kiến là 16.837.296.000 đồng, giao Văn phòng T9 là Chủ đầu tư (BL số 2748).

Để đảm bảo tính pháp lý về nhiệm vụ giao riêng cho Đỗ Hữu T3, ngày 02/02/2016, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 50.1-QĐ/VPTU (BL số 5421) về việc thành lập Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư thực hiện Dự án, phân công Đỗ Hữu T3 làm Tổ trưởng, chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn kể từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào khai thác sử dụng, giúp Chủ đầu tư lựa chọn các tổ chức tư vấn, các nhà thầu trong quá trình triển khai Dự án.

Ngày 03/02/2016, Nguyễn Đồng l đại diện Chủ đầu tư và Công ty Cổ phần Đ2 (sau đây viết tắt là Công ty H6) ký Hợp đồng gói thầu “*Tư vấn khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi*” Dự án. Ngày 30/3/2016, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 811/QĐ-UBND phê duyệt Dự án với tổng mức đầu tư là 16.837.296.000 đồng (BL số 17542).

Quá trình tham mưu triển khai thực hiện dự án, Đỗ Hữu T3 đề xuất với Nguyễn Đ “*Để chúng em làm*”, do biết gia đình Đỗ Hữu T3 có Công ty riêng chuyên thực hiện các dự án về cung cấp thiết bị công nghệ thông tin nên Nguyễn Đ đã đồng ý theo đề xuất của Đỗ Hữu T3.

Sau khi được Nguyễn Đ cho nhận thực hiện Dự án, Đỗ Hữu T3 đã liên hệ với Trần Mạnh C, Chủ tịch Công ty P2 (*đồng sở hữu, góp vốn tại Công ty Đ1 do Đặng Việt C1 là Giám đốc*) và Nguyễn Xuân T, nhân viên kinh doanh của Công ty Cổ phần Đ1 (sau đây viết tắt là Công ty Đ1) để đề nghị tìm kiếm đơn vị cung cấp thiết bị cho Dự án theo danh mục đã được duyệt. Sau khi C1 và T nhận lời thực hiện Dự án và gửi báo giá thiết bị, T3 đã dự tính nâng giá thiết bị lên khoảng 30% để hưởng lợi. Do Công ty T10 (*Công ty Đ3 sở hữu và do em gái ruột Đỗ Thị H1 làm Giám đốc*) thời điểm đó chưa đủ năng lực nên Đỗ Hữu T3 bàn với Trần Mạnh C, Nguyễn Xuân T mượn pháp nhân Công ty Đ1 tham gia dự thầu, còn việc đảm bảo Công ty Đ1 trúng thầu sẽ do Đỗ Hữu T3 sắp xếp. Sau đó, Đỗ Hữu T3 thỏa thuận, thống nhất với Trần Mạnh C, Đặng Việt C1 và Nguyễn Xuân T về cách thức cung cấp 34 thiết bị để được hưởng lợi từ Dự án, cụ thể: (1) Trần Mạnh C, Giám đốc Công ty P2 ký hợp đồng bán cho Công ty T&T 23 thiết bị theo giá thị trường là 6.185.938.000đ; (2) Công ty T10 mua thêm 11 thiết bị khác với giá 950.960.000đ và “nâng giá” bán lại toàn bộ 34/34 thiết bị cho Công ty Đ1 với giá 14.465.000.000 đồng; (3) sau đó Công ty P&T “nâng giá” và Đặng Việt C1, Giám đốc P ký hợp đồng cung cấp thiết bị cho Chủ đầu tư là Văn phòng Tỉnh

ủy T9 thiết bị với giá 15.665.160.000 đồng. Khi có tiền từ ngân sách thanh toán, phần giá trị chênh lệch theo hợp đồng Công ty Đ1 sẽ chuyển trả lại Đỗ Hữu T3. Trần Mạnh C đồng ý và giao Nguyễn Xuân T là đầu mối liên hệ thực hiện.

Theo đề nghị của Đỗ Hữu T3, Trần Mạnh C và Nguyễn Xuân T đã liên hệ và giới thiệu Nguyễn Việt C2, Phó Tổng Giám đốc Công ty H6 để thực hiện 03 Gói thầu gồm: Gói “*Tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi*”; gói “*Tư vấn lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình*” và gói “*Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá hồ sơ dự thầu*”. Sau đó, Đỗ Hữu T3, Nguyễn Việt C2, Trần Mạnh C và Nguyễn Xuân T gặp nhau tại Văn phòng T9 để thống nhất các nội dung tư vấn thực hiện Dự án. Theo đó, Nguyễn Việt C2 cùng Nguyễn Xuân T hoàn thiện về mặt kỹ thuật, còn giá Đỗ Hữu T3 cung cấp cho HADIC để lập báo cáo nghiên cứu khả thi và tổng dự toán theo đúng yêu cầu của Đỗ Hữu T3 nhằm hợp thức hồ sơ, thủ tục đấu thầu.

Để đảm bảo thiết kế thi công và tổng dự toán dự án sẽ được phê duyệt như giá trị mà Đỗ Hữu T3, Trần Mạnh C, Nguyễn Xuân T đã bàn bạc, thông đồng, nâng giá. Khoảng tháng 5/2016, Đỗ Hữu T3 liên hệ với Đào Tiến D1, cộng tác viên của Công ty trách nhiệm hữu hạn K2 (sau đây viết tắt Công ty F) là đơn vị kinh doanh dịch vụ thẩm định giá, để thuê D1 làm Chứng thư thẩm định giá hệ thống thiết bị hội nghị trực tuyến Tỉnh ủy Hòa Bình, nhưng ghi lùi thời gian vào tháng 3/2016. D1 đồng ý và gửi bảng tính giá dịch vụ thẩm định giá của Công ty F cho T3; Tiếp chuyển cho Đào Tiến D1 hồ sơ yêu cầu thẩm định giá, file mềm dự toán thiết bị mua sắm có giá trị 15.670.050.000 đồng (BL số 16613). Sau đó, Đào Tiến D1 xin ý kiến Nghiêm Xuân D, Giám đốc Công ty F về việc Văn phòng T9 có nhu cầu làm Chứng thư thẩm định giá thiết bị thuộc Dự án có giá dự toán khoảng 15 tỷ đồng, tương ứng giá trị Hợp đồng theo bảng giá dịch vụ của Công ty F là khoảng 55 triệu đồng và Nghiêm Xuân D đồng ý thực hiện. Sau đó, Đào Tiến D1 đề nghị Đỗ Hữu T3 xin 03 báo giá làm căn cứ xác định giá gói thầu, Đỗ Hữu T3 nhờ Nguyễn Xuân T thực hiện. Nguyễn Xuân T lấy báo giá từ Công ty P&T có mức giá dự thầu thấp nhất và làm sẵn 02 báo giá của Công ty H7 và Công ty A có mức giá cao hơn báo giá của Công ty Đ1, gửi cho Công ty H7, Công ty trách nhiệm hữu hạn A ký, đóng dấu và gửi 03 bản báo giá này cho Đỗ Hữu T3. Nhận được báo giá, T3 trực tiếp trao đổi, gửi các tài liệu, danh mục thiết bị, bảng dự toán và báo giá qua email cho Đào Tiến D1. Đào Tiến D1 chuyển cho chị Trần Thị Thùy P1, nhân viên thực tập của Công ty T11 T.D.K kiểm tra hồ sơ, soạn thảo Hợp đồng cung cấp dịch vụ với giá 55 triệu đồng và dự thảo Chứng thư thẩm định giá. Sau đó, Đào Tiến D1 gửi cho nhóm trợ lý của Nghiêm Xuân D in, trình Nghiêm Xuân D ký ban hành Hợp đồng dịch vụ thẩm định giá số 115/2016/HĐTĐG/FACOM và Chứng thư thẩm định giá số 115/2016/CTTĐG-FACOM, ngày 24/3/2016 và gửi lại cho Đào Tiến D1 để chuyển Đỗ Hữu T3. Tuy nhiên, sau đó Đỗ Hữu T3 trao đổi tạm dừng việc thẩm định giá nên bộ chứng thư này không được sử dụng, Đào Tiến D1 đã báo với Nghiêm Xuân D để chuyển trả lại cho Công ty F.

Ngày 10/08/2016, UBND tỉnh H ban hành Quyết định số 2027/QĐ-UBND phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án gồm 07 gói thầu (BL số 3844), cụ thể: Gói thầu số 1 “*Tư vấn lập thiết kế thi công và tổng dự toán*” trị giá 70.393.000

đồng; Gói thầu số 2 “*Tư vấn thẩm định giá*” trị giá 22.489.000 đồng; Gói thầu số 03 “*Tư vấn thẩm tra Thiết kế thi công và Tổng dự toán*” trị giá 4.400.000 đồng; Gói thầu số 4 “*tư vấn lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu*” trị giá 11.000.000 đồng; Gói thầu số 5 “*Mua sắm lắp đặt thiết bị, đào tạo, chuyển giao công nghệ*” trị giá 15.670.050.000 đồng; Gói thầu số 06 “*Tư vấn giám sát thi công và lắp đặt thiết bị*” trị giá 55.675.000 đồng; Gói thầu số 07 “*Tư vấn kiểm toán dự án*” trị giá 50.776.000 đồng.

Ngày 12/8/2016, Nguyễn Đ và Công ty H6 ký Hợp đồng tư vấn số 1208/2016/HĐ-TV lập Thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Dự án trị giá 70.393.000 đồng.

Để hợp thức hồ sơ Dự án, đảm bảo hình thức có Ban Quản lý dự án, Tổ giúp việc, cùng ngày 12/8/2016, Đỗ Hữu T3 trình Nguyễn Đồng ký Quyết định số 114 và 114.1-QĐ-VPTU thành lập Ban Quản lý dự án và Tổ giúp việc cho Chủ đầu tư thực hiện dự án, gồm 08 thành viên: Ông Đinh Anh T4, Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy là Trưởng Ban Quản lý, Tổ trưởng Tổ giúp việc (theo chỉ định của Nguyễn Đ) và các thành viên: Đỗ Hữu T3, khi đó là Quyền Trưởng phòng Quản trị; ông Đỗ Văn X, Trưởng phòng Cơ yếu - Công nghệ thông tin; ông Hoàng Minh H2, Phó Trưởng phòng Kinh tế - Xã hội; bà Hoàng Thị H3, Phó Trưởng phòng Quản trị; bà Trịnh Thị T5, Kế toán; bà Đỗ Thị H1, Thủ quỹ và ông Hà Bình K, Nhân viên hợp đồng, phụ trách điện - nước.

Ngày 29/8/2016, Nguyễn Đồng ký Hợp đồng “*Tư vấn thẩm định giá*” số 115/2016/HĐTĐG/FACOM với Công ty F.

Đến đầu tháng 9/2016, Đào Tiến D1 liên hệ đề Nghiêm Xuân D ký lại Chứng thư thẩm định giá có nội dung giống như Chứng thư thẩm định giá số 115/2016/CTTĐG-FACOM ngày 24/3/2016 cho Văn phòng T9 và đề xuất giảm giá dịch vụ từ 55 triệu đồng xuống hơn 22 triệu đồng theo đề nghị của Đỗ Hữu T3. Nghiêm Xuân D đồng ý và ủy quyền cho Đào Tiến D1 làm Phó Giám đốc ký kết và thanh lý hợp đồng thẩm định giá. Sau khi nhận được Chứng thư thẩm định giá từ Đào Tiến D1, Nghiêm Xuân D ký xác nhận và chuyển cho nhân viên Văn phòng đóng dấu ban hành và vẫn lấy số 115/2016/CTTĐG-FACOM, nhưng ghi ngày 08/9/2016 để chuyển Đào Tiến D1 (BL số 1928). Sau đó, Công ty F được Văn phòng T9 thanh toán 22.489.000 đồng (bao gồm: 10% VAT), trong đó chuyển cho Đào Tiến D1 14.924.545 đồng theo thỏa thuận, Công ty F được hưởng 5.520.000 đồng.

Sau khi đã tạo một số điều kiện để “sắp xếp” cho Công ty P&T trúng gói thầu “*Mua sắm, lắp đặt thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ*” (viết tắt là gói thầu số 5), trị giá 15.665.160.000 đồng. Đỗ Hữu T3 trình Nguyễn Đ chỉ định thầu cho Công ty H6 làm đơn vị tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu. Trước khi Công ty Đ1 nộp hồ sơ dự thầu gói thầu số 5, Đỗ Hữu T3 thông báo với Trần Mạnh C giá dự thầu là 15.665.160.000 đồng và cung cấp thông tin về danh mục hàng hóa, thông số kỹ thuật để T làm hồ sơ tham gia đấu thầu. Ngoài ra, T3 đề nghị Trần Mạnh C và Nguyễn Xuân T bố trí pháp nhân khác tham gia dự thầu làm “quân xanh”. Sau khi hoàn thiện hồ sơ dự thầu của công ty Đ1, Nguyễn Xuân

T liên hệ với Công ty TNHH T12 để xin hồ sơ dự thầu và hoàn thiện bộ hồ sơ này rồi gửi lại cho Công ty TNHH T13, đóng dấu và nộp thầu.

Ngày 07/10/2016, Nguyễn Đ và Công ty H6 ký Hợp đồng số 0710/2016/HĐ-TV thực hiện gói thầu “*Tư vấn lập HSMT và đánh giá hồ sơ dự thầu*”. Ngày 11/10/2016, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 130.1-QĐ/VPTU phê duyệt hồ sơ mời thầu gói thầu số 5. Sau đó, có 03 Công ty nộp hồ sơ dự thầu là Công ty Đ1, Công ty trách nhiệm hữu hạn T12 (sau đây viết tắt là Công ty T12) và Công ty trách nhiệm hữu hạn A (sau đây viết tắt là Công ty A).

Ngày 08/11/2016, Công ty H6 ban hành Báo cáo số 811.2016/ĐGHSD-4D đánh giá hồ sơ dự thầu về kỹ thuật gói thầu số 5. Ngày 14/11/2016, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 149.1-QĐ/VPTU phê duyệt danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về kỹ thuật gói thầu số 5, được sắp xếp theo thứ tự: Công ty Đ1; Công ty T12; không đạt yêu cầu về kỹ thuật là Công ty A. Ngày 18/11/2016, Công ty H6 ban hành Báo cáo số 1811.2016/ĐGHSD báo cáo đánh giá hồ sơ dự thầu về tài chính.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá Hồ sơ dự thầu về kỹ thuật và tài chính của Công ty H6, do Nguyễn Việt C2, Phó Tổng Giám đốc ký, Đỗ Hữu T3 dự thảo Tờ trình số 03-TTr/TGV ngày 22/11/2016 của Tổ giúp việc đề nghị phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu, chuyển ông Đinh Anh T4 cùng các thành viên Tổ giúp việc ký đề trình Nguyễn Đồng. Cùng ngày, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 157.1-QĐ/VPTU phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu gói thầu số 5, trong đó Công ty P&T xếp thứ nhất. Ngày 06/12/2016, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 158.2-QĐ/VPTU về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu: Công ty Đ1, với giá trúng thầu (bao gồm thuế GTGT) là 15.665.160.000 đồng; ngày 19/12/2016, Nguyễn Đ ký kết Hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/VPTU với Đặng Việt C1, Giám đốc Công ty Đ1 mua sắm, lắp đặt 34 danh mục thiết bị/dịch vụ theo gói thầu. Trước khi ký các thủ tục, Hợp đồng kinh tế với P thì bị cáo Đỗ Hữu T3 có báo cáo với bị cáo Nguyễn Đ về việc Công ty Đ1 là công ty có mối quan hệ quen biết với Đỗ Hữu T3 để Công ty P&T trúng thầu thì Công ty Đ1 sẽ trích % của Dự án. Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán, Nguyễn Đ đã duyệt, ký các chứng từ của Chủ đầu tư thanh toán cho Công ty Đ1 số tiền 15.665.160.000 đồng.

Sau khi bị cáo Nguyễn Đồng k chứng từ thanh toán cho Công ty Đ1, ngày 03/01/2017, bị cáo Nguyễn Đ nhắn tin cho Đỗ Hữu T3 với nội dung “*B nó chiều ứng tiền nhé*”; Tiếp nhận lại “*Vâng em vừa gọi, tiền chưa nổi anh ạ*”. Ngày 04/01/2017, Nguyễn Đ tiếp tục nhắn tin cho Đỗ Hữu T3 với nội dung “*Thằng kia chưa chuyển à*”; Đỗ Hữu T3 nhắn lại “*Có rồi anh, em để ở xe*”, “*Vâng, em mang lên anh 1 tỷ anh ạ...*” (BL số 533, 534). Bị cáo Nguyễn Đ giải trình, các nội dung tin nhắn nêu trên là bị cáo hỏi T3 về tiền cảm ơn của Công ty Đ1 nhưng sau đó không thấy Đỗ Hữu T3 đưa tiền cho bị cáo. Bị cáo Đỗ Hữu T3 giải trình, nội dung tin nhắn trên liên quan đến việc khi báo cáo xin ý kiến bị cáo Nguyễn Đ về việc đề cho Công ty Đ1 thực hiện Dự án, phía Công ty Đ1 sẽ trích lại 20% tổng Dự án nên ngày 04/01/2017 bị cáo Nguyễn Đ nhắn tin hỏi tiền % của Dự án và bị cáo Đỗ Hữu T3 đã đưa cho bị cáo Nguyễn Đ số tiền 01 tỷ đồng tại phòng làm việc của bị cáo Nguyễn Đồng. Ngoài ra, bị cáo Đỗ Hữu T3 khai đã đưa cho bị cáo

Nguyễn Đ tổng số 2,3 tỷ đồng tiền % chênh lệch của Dự án, gồm 01 tỷ đồng đưa vào ngày 04/01/2017 theo nội dung tin nhắn nêu trên, 800 triệu đồng bị cáo đưa tiền mặt cho bị cáo Nguyễn Đ vào khoảng tháng 3, tháng 4/2017, khi đưa tiền không có ai biết và đối trừ 500 triệu đồng bị cáo Nguyễn Đ đã vay bị cáo Đỗ Hữu T3 từ trước. Cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất nhưng bị cáo Đỗ Hữu T3 và Nguyễn Đ vẫn giữ nguyên lời khai như trên. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Đ thừa nhận đã nhận 1.000.000.000đ (*một tỉ đồng*) từ Đỗ Hữu T3 tiền % chênh lệch của Dự án.

Ngày 17/5/2017, theo yêu cầu của T3, Công ty P2 đã chuyển lại cho Đỗ Thị H4 (em gái Đỗ Hữu T3) tổng số tiền 1.328.500.000đ là khoản tiền chênh lệch giữa giá thị trường với giá bán cho Chủ đầu tư theo hợp đồng như Đỗ Hữu T3, Trần Mạnh C, Nguyễn Xuân T và Đặng Việt C1 đã thỏa thuận (BL số 16989).

2. Kết quả điều tra đối với gói thầu “Mua sắm bổ sung 01 camera và các thiết bị hội nghị trực tuyến cho điểm trung tâm T9” thuộc Dự án, trị giá 779.020.000 đồng.

Năm 2018, được sự đồng ý của bị cáo Nguyễn Đ, Đỗ Hữu T3 đã dự thảo trình ông Đinh Anh T4, Phó Chánh Văn phòng ký Tờ trình số 229-TTr/VPTU ngày 11/4/2018, gửi Chủ tịch UBND tỉnh H xin chủ trương mua sắm bổ sung 01 camera và các thiết bị hội nghị trực tuyến cho điểm trung tâm của Tỉnh ủy. Ngày 04/05/2018, UBND tỉnh có Công văn số 626/UBND-CNXD đồng ý chủ trương cho phép điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng Hội nghị trực tuyến với nội dung: Bổ sung 01 camera và các thiết bị hội nghị trực tuyến cho điểm trung tâm T9; *Sử dụng nguồn dự phòng của dự án, không tăng tổng mức đầu tư đã phê duyệt tại Quyết định số 811/QĐ-UBND ngày 30/03/2016.*

Tương tự như gói thầu số 1, Đỗ Hữu T3 đã liên hệ trao đổi với Trần Mạnh C và Nguyễn Xuân T để lên danh mục khảo giá. Thực tế tổng 12 thiết bị mua sắm bổ sung không đến 779.064.000đ nhưng do muốn sử dụng hết kinh phí nên Đỗ Hữu T3 đã xây dựng tổng dự toán là 779.064.000đ.

Đề hợp thức hồ sơ, thủ tục xin phê duyệt dự toán và đấu thầu, Đỗ Hữu T3 tham mưu Nguyễn Đồng lựa chọn Công ty Cổ phần Thẩm định giá BTCVALUE do Nguyễn Xuân T giới thiệu thực hiện gói thầu “*Chi phí thẩm định giá thiết bị bổ sung*”, theo Công văn số 3202-CV/VPTU về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và Hợp đồng số 86185554/HĐTĐG-BTCVALUE ngày 07/8/2018, trị giá 4.713.000 đồng; Công ty Cổ phần T14 do Nguyễn Xuân T giới thiệu thực hiện gói thầu “*Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, phân tích đánh giá Hồ sơ dự thầu*”, theo Quyết định chỉ định thầu số 430-QĐ/VPTU và Hợp đồng số 210/2018/HĐTV ngày 02/10/2018, trị giá 2.836.000đ.

Ngày 22/11/2018, Nguyễn Đồng ký Quyết định số 466-QĐ/VTPU về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Công ty Đ1, giá trúng thầu: **779.020.000 đồng** (bao gồm VAT) và ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/VPTU ngày 19/12/2018 với Công ty Đ1 (do Đặng Việt C1, Giám đốc ký). Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán, ông Nguyễn Đ đã duyệt, ký các chứng từ của Văn phòng T9 thanh toán cho Công ty Đ1.

3. Xác định thiệt hại:

Công văn số 686/CTHBI-TTKT2, ngày 28/2/2023 của Cục thuế tỉnh H xác định tổng lợi nhuận sau thuế của Công ty Đ1 và công ty T10 tại 02 gói thầu là **6.251.259.636 đồng** (Trong đó: Gói thầu Mua sắm, lắp đặt thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ là 6.184.619.636 đồng; Gói thầu: Mua sắm bổ sung 01 camera và các thiết bị hội nghị trực tuyến cho điểm trung tâm của Tỉnh ủy là 66.640.000 đồng).

Công văn số 1248/STC-QLG&CS ngày 25/4/2023 của Sở Tài chính tỉnh H xác định: “Hành vi thông đồng, nâng giá, mua bán lòng vòng thiết bị để trục lợi vi phạm quy định Điều 10 Luật Giá năm 2012; “Theo hồ sơ do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H cung cấp, tại Công văn số 428/CSKT ngày 31/3/2023 có ghi “*Thực tế, quá trình thực hiện dự án các đối tượng liên quan phía Công ty P2, Công ty T10, Công ty Đ1 đã thông đồng với Chủ đầu tư để nâng giá trị dự toán các gói thầu cao hơn so với thực tế và thực hiện việc “mua bán lòng vòng” từ Công ty P2 bán cho Công ty T10, Công ty T10 nâng giá bán hàng cho Công ty Đ1, Công ty P&T dự thầu, trúng thầu và bán cho chủ Đầu tư với mức giá dự toán được duyệt nhằm mục đích chiếm hưởng số tiền lợi nhuận sau thuế có được của Công ty T10 và Công ty Đ1*”; Do đó đề nghị căn cứ vào hồ sơ, tài liệu, chứng cứ của vụ án để xác định thiệt hại ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, b khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/4/2022.

Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, b, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân D 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2022.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Đỗ Hữu T3, Nguyễn Đ, Trần Mạnh C, Đặng Việt C1, Nguyễn Việt C2, Đào Tiến D1, quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, H5 bỏ các Lệnh phong tỏa tài khoản và công văn về việc phong tỏa tài khoản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 03/7/2023, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D cùng có đơn kháng cáo đều với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo Nguyễn Xuân T xuất trình tài liệu giảm nhẹ hình phạt mới như: Thư cảm ơn của Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh N; tài liệu thể hiện anh họ bị cáo là Nguyễn Vũ Tân mắc bệnh tâm thần, thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội; vợ bị cáo là

chị Mai Thị Huyền T6 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang tặng giấy khen vì đã có thành tích trong phối hợp triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn huyện năm 2023; ngoài ra, vợ bị cáo còn có thành tích trong công tác tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn P3; tài liệu thể hiện bị cáo Nguyễn Xuân T với tư cách là nhân viên Công ty Đ1 và Giám đốc Công ty cổ phần P2 từ năm 2016 đến năm 2021 luôn chấp hành đóng thuế cho Nhà nước đúng quy định với số tiền lớn.

Bị cáo Nghiêm Xuân D xuất trình tài liệu thể hiện mẹ đẻ bị cáo đã cao tuổi, là người khuyết tật đặc biệt nặng, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Bố đẻ bị cáo đạt được nhiều thành tích trong công tác như: Huy chương vì giai cấp nông dân Việt Nam năm 2004; Bằng khen của L1 năm 2005 vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Hợp tác xã năm 2004, năm 2006; Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T năm 2014 vì đã có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Hợp tác xã tỉnh T năm 2013; Danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở toàn ngành năm 2003; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nông nghiệp và P4 năm 2009; Kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam; Bản thân ông Nghiêm Xuân N cũng là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41-60%, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Giấy khen gia đình văn hóa tiêu biểu vì đã có thành tích 03 năm liên tục đạt danh hiệu gia đình văn hóa năm 2019-2021; Bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng có thành tích như được Ủy ban trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Doanh nhân trẻ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2012-2017.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều xuất trình được tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, do đó, có cơ sở để chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo. Đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân T trình bày: Đồng tình với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật, áp dụng pháp luật đối với bị cáo. Về hình phạt, đề nghị áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2, Điều 51; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự do bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả được 100 triệu đồng; là đồng phạm trong vụ án; Năm 2021, bị cáo có tham gia ủng hộ phòng chống dịch Covid; trong quá trình học tập, bị cáo được tặng giấy khen; gia đình bị cáo có người có công với cách mạng; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bố bị bệnh ung thư, con còn nhỏ, bản thân bị cáo đang bị bệnh viêm mao mạch hoại tử. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1]. Lời khai của bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của các bị cáo Đỗ Hữu T3, Nguyễn Đ, Trần Mạnh C, Đặng Việt C1, Nguyễn Việt C2, Đào Tiến D1; phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong các năm từ 2015 đến 2018, khi triển khai, thực hiện “*Dự án xây dựng hệ thống hội nghị trực tuyến của Tỉnh ủy T9*”, các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D cùng các bị cáo Đỗ Hữu T3, Nguyễn Đ, Trần Mạnh C, Đặng Việt C1, Nguyễn Việt C2, Đào Tiến D1 đã có hành vi lợi dụng chức vụ quyền hạn và đồng phạm giúp sức trong việc thông đồng nâng giá thiết bị thuộc Dự án, gây thiệt hại tổng số tiền 6.251.259.636 đồng.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 3 Điều 356 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo, HĐXX thấy:

[2.1]. Bị cáo Nguyễn Xuân T là người tham gia trong quá trình bàn bạc thực hiện hành vi “*thông đồng nâng giá*” Dự án, được bị cáo Trần Mạnh C giao làm đầu mối trao đổi thông tin, hướng dẫn bị cáo Đỗ Hữu T3 hợp thức hồ sơ, thủ tục các bước đấu thầu; bàn bạc, cung cấp thông tin thiết kế kỹ thuật và giá dự toán các thiết bị theo giá trị nâng không do bị cáo Đỗ Hữu T3 yêu cầu cho đơn vị tư vấn, thiết kế để hợp thức hồ sơ, thủ tục đấu thầu; lập 03 báo giá của Công ty Đ1, Công ty H7, Công ty TNHH A chuyển cho bị cáo Đỗ Hữu T3 để cung cấp cho công ty thẩm định giá; liên hệ với Công ty T12 để xin 01 bộ hồ sơ dự thầu làm “*quân xanh*”. Hành vi của bị cáo là nguyên nhân dẫn đến thiệt hại số tiền 6.251.259.636 đồng, đã phạm vào tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” với vai trò đồng phạm, là người thực hành, giúp sức tích cực cho bị cáo Đỗ Hữu T3.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự do đã thực hiện 02 gói thầu gây thiệt hại cho Nhà nước; Bị cáo có nhân thân tốt; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo Nguyễn Xuân T cùng các bị cáo khác đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại, trong đó bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục được số tiền 100.000.000 đồng; Năm 2021, bị cáo có tham gia ủng hộ phòng chống dịch C3 và tham gia ủng hộ xây dựng công trình Thanh niên xã H huyện L tỉnh Hòa Bình; trong quá trình học tập bị cáo được tặng giấy khen; gia đình có người có công với cách mạng: Có bác ruột là Nguyễn Văn K1 là liệt sỹ, có bố vợ là Mai Kim C4 là đảng viên và có thời gian tham gia quân đội; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn bố bị bệnh ung thư, con còn nhỏ đang tuổi đến trường, bản thân bị cáo đang bị bệnh viên mao mạch hoại tử nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật

Hình sự; ngoài ra, với vai trò đồng phạm giữ vị trí thứ ba trong vụ án, bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thêm Điều 17; Điều 58; Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo tiếp tục xuất trình các tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như: Thư cảm ơn của Trung tâm bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh N; anh họ bị cáo là Nguyễn Vũ Tân mắc bệnh tâm thần, thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội; vợ bị cáo là chị Mai Thị Huyền T6 được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang tặng giấy khen vì đã có thành tích trong phối hợp triển khai thực hiện công tác an sinh xã hội trên địa bàn huyện năm 2023; ngoài ra, vợ bị cáo còn có thành tích trong quá trình công tác tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn P3; tài liệu thể hiện bị cáo Nguyễn Xuân T với tư cách là nhân viên Công ty Đ1 và Giám đốc Công ty cổ phần P2 từ năm 2016 đến năm 2021 luôn chấp hành đóng thuế cho Nhà nước đúng quy định với số tiền lớn.

Xét thấy, bị cáo Nguyễn Xuân T là đồng phạm, là người thực hiện, giúp sức cho bị cáo Đỗ Hữu T3 thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo có nhân thân tốt, chưa từng bị xử lý kỷ luật, bị xử lý hành chính, chưa bị kết án về tội danh nào khác trước đây; mặc dù bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như đã cùng các bị cáo khác bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh gia đình éo le, bố mẹ đẻ bị cáo tuổi đã cao, già yếu, mắc nhiều bệnh hiểm nghèo như xơ vữa động mạch, thiếu máu não...; bị cáo có 02 con nhỏ đang trong độ tuổi phát triển, cần có sự quan tâm, chăm sóc, dạy dỗ, giáo dục; Gia đình bị cáo hiện đang nuôi dưỡng, chăm sóc anh họ là Nguyễn Vũ T7 bị bệnh tâm thần, mẹ đẻ anh Tân tuổi đã cao, gia đình bị cáo thường xuyên phải chu cấp và chăm sóc, thuốc thang cho bà; Bản thân bị cáo cũng đang mắc bệnh nan y là Viêm mao mạch hoại tử, thường xuyên phải điều trị thuốc men và bác sĩ; Gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có bố vợ là đảng viên và đã từng tham gia quân ngũ; bị cáo có bác ruột là liệt sỹ; Trong quá trình công tác, với tư cách là nhân viên Công ty Đ1 và Giám đốc Công ty P2 từ năm 2016 đến năm 2021 luôn chấp hành đóng thuế cho Nhà nước với số tiền lớn, góp phần vào sự phát triển của ngành công nghệ thông tin, là nhóm ngành được Nhà nước khuyến khích phát triển. Năm 2021, bị cáo còn tham gia ủng hộ phòng chống dịch bệnh Covid-19, tham gia làm từ thiện, ủng hộ nhiều quỹ công ích, đóng góp xây dựng công trình thiện nguyện; vợ bị cáo cũng có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác. Như vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi, trên cơ sở cân nhắc, xem xét tới các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, có cơ sở để HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, nhưng cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục riêng bị cáo sớm trở thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung tội phạm.

[2.2]. Bị cáo Nghiêm Xuân D là Giám đốc Công ty F, vì lợi nhuận bị cáo đã ký hợp đồng để cung cấp Chứng thư thẩm định giá lần 1 và sau đó bỏ nhiệm bị cáo Đào Tiên D1 làm Phó Giám đốc để ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ thẩm định giá lần 2 cho Văn phòng T9. Bản thân bị cáo Nghiêm Xuân D và Thẩm định viên về giá của công ty không thực hiện bất cứ một bước thẩm định giá nào theo quy trình thẩm định giá của Công ty F khi ký ban hành các Chứng thư thẩm định giá số 115/2016/CTTĐG-FACOM ngày 24/3/2016 và ngày 8/9/2016 mà để mặc

bị cáo Đào Tiến D1 tự tiến hành các bước thẩm định giá. Từ Chứng thư này các bị cáo trong vụ án đã hợp thức hồ sơ đấu thầu gói thầu mua sắm, lắp đặt thiết bị, đào tạo chuyển giao công nghệ đã được nâng giá thành 15.670.050.000 đồng, gây thiệt hại ngân sách Nhà nước 6.184.619.636 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tiêu chuẩn thẩm định giá số 01 (Những quy tắc đạo đức hành nghề thẩm định giá) ban hành kèm theo Thông tư số 158/2014/TT-BTC ngày 27/10/2014 của Bộ T15; vi phạm quy định tiêu chuẩn thẩm định giá số 05 (quy trình thẩm định giá) ban hành theo Thông tư số 28/2015/TT-BTC ngày 20/8/2015 của Bộ T15, đã phạm vào tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” với vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Đào Tiến D1 và bị cáo Đỗ Hữu T3 trong việc thực hiện gói thầu “Mua sắm, lắp đặt thiết bị đào tạo, chuyển giao công nghệ”.

Bị cáo có nhân thân xấu, ngày 14/6/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 12 tháng tù về tội Làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2023/HS-ST (án chưa có hiệu lực pháp luật), không bị xác định là tiền án; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự; quá trình điều tra, xét xử bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã cùng các bị cáo khác bồi thường, khắc phục toàn bộ thiệt hại; Trong quá trình công tác bị cáo được Ủy ban trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Doanh nhân trẻ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2012-2017; Gia đình bị cáo có người có công với cách mạng được tặng thưởng huân chương, có thành tích xuất sắc trong công tác được tặng bằng khen, giấy khen, kỷ niệm chương; bị cáo có bố đẻ là Nghiêm Xuân N được tặng kỷ niệm chương vì sự nghiệp phát triển hợp tác xã năm 2006, có thời gian tham gia hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được tặng kỷ niệm chương cựu chiến binh Việt Nam năm 2011, được tặng huy chương vì giai cấp nông dân Việt Nam năm 2004, được tặng giấy khen đã đạt danh hiệu chiến sỹ thi đua cơ sở toàn ngành năm 2003, được tặng bằng khen có thành tích xuất sắc trong sự nghiệp xây dựng và phát triển hợp tác xã tỉnh T năm 2013, được tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển hợp tác xã năm 2004 là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nghiêm Xuân D thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức cho bị cáo Đỗ Hữu T3 trong việc thực hiện 01 gói thầu nên có vai trò hạn chế hơn các bị cáo khác và giữ vị trí thứ 04 trong vụ án nên được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại các Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt là phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xuất trình thêm tình tiết giảm nhẹ mới như tài liệu thể hiện mẹ đẻ bị cáo đã cao tuổi, là người khuyết tật đặc biệt nặng, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Bố đẻ bị cáo đạt được nhiều thành tích trong công tác như: Bằng khen của Liên minh Hợp tác xã L1 năm 2005 vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng và phát triển Hợp tác xã năm 2006; Kỷ niệm chương vì sự nghiệp nông nghiệp và P4 năm 2009; Bản thân ông Nghiêm Xuân N cũng là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41-60%, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Giấy khen gia đình văn hóa tiêu biểu vì đã có thành tích 03 năm liên

tục đạt danh hiệu gia đình văn hóa năm 2019-2021; Bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng có thành tích như được Ủy ban trung ương hội doanh nhân trẻ Việt Nam tặng bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào Doanh nhân trẻ tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2012-2017.

HĐXX thấy mặc dù bị cáo có nhân thân xấu nhưng không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình éo le, mẹ đẻ bị cáo đã cao tuổi, là người khuyết tật đặc biệt nặng thuộc diện được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Bố đẻ bị cáo trong quá trình công tác đạt được nhiều thành tích đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển Hợp tác xã và đạt danh hiệu C5 si thi đua cơ sở toàn ngành, được tặng thưởng kỷ niệm chương, bản thân ông cũng là người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 41-60%, được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, là người có công với cách mạng; Bản thân bị cáo trong quá trình công tác cũng có nhiều thành tích xuất sắc, điển hình như Bằng khen của Ủy ban T16; với vai trò là đồng phạm giúp sức thực hiện 01 gói thầu, với vai trò, tính chất, mức độ hành vi hạn chế hơn các bị cáo khác, HĐXX có cơ sở để tiếp tục áp dụng Điều 17, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật, giúp bị cáo yên tâm cải tạo, nhưng vẫn đảm bảo công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm, nhằm phân hóa rõ nét vai trò, cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo có vai trò khác nhau trong vụ án.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D và sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2023/HS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình về hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D, cụ thể:

Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, b khoản 1, khoản 2, Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 30 (ba mươi) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 29/4/2022.

Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, b, v khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nghiêm Xuân D 18 (mười tám) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 22/9/2022.

2. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Xuân T, Nghiêm Xuân D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TANDTC;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hòa Bình;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh Hòa Bình;
- Các bị cáo (qua TTG);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tuyền